

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với trữ lượng cát, sỏi làm vật liệu xây dựng, bùn thải làm vật liệu san lấp tận thu từ dự án nạo vét lòng hồ, khơi thông dòng chảy Nhà máy thủy điện Cẩm Thủy 1 tại xã Cẩm Bình, xã Cẩm Lương, xã Cẩm Thạch và xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 15337/UBND-NN ngày 02/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận Phương án nạo vét lòng hồ, khơi thông dòng chảy Nhà máy thủy điện Cẩm Thủy 1 và tận thu cát, sỏi làm vật liệu xây dựng, bùn thải làm vật liệu san lấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1192/TTr-STNMT ngày 17/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò khoáng sản đối với trữ lượng cát, sỏi làm vật liệu xây dựng, bùn thải làm vật liệu san lấp tận thu từ dự án nạo vét lòng hồ, khơi thông dòng chảy Nhà máy thủy điện Cẩm Thủy 1 tại xã Cẩm Bình, xã Cẩm Lương, xã Cẩm Thạch và xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, với những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông;

Địa chỉ: Lô C2F, Cụm công nghiệp Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (theo quy định tại Phụ lục II, kèm theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ và Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018, Công văn số 2108/STNMT-TCKH ngày 16/4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường):

- $G_1 = G_{tn} \times K_{qd} = 100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,125 = 112.500 \text{ đồng/m}^3$ đối với Cát đen dùng trong xây dựng (K_{qd} theo phụ lục C - Bảng C1 - Hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi);

- $G_2 = G_{tn} \times K_{qd} = 245.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,125 = 275.625 \text{ đồng/m}^3$ đối với Cát vàng dùng trong xây dựng (K_{qd} theo phụ lục C - Bảng C1 - Hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi);

- $G_3 = G_{tn} \times K_{qd} = 168.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,29 = 216.720 \text{ đồng/m}^3$ đối với Các loại cuội, sỏi, sạn khác (K_{qd} theo phụ lục C - Bảng C1 - Hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi);

- $G_4 = G_{tn} \times K_{qd} = 56.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,29 = 72.240 \text{ đồng/m}^3$ đối với Cát san lấp (K_{qd} theo phụ lục C - Bảng C1 - Hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi);

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

$Q = Q_1 + Q_2 + Q_3 + Q_4 = 445.454 \text{ m}^3$, trong đó:

- Q_1 là trữ lượng cát xây trát (cát đen): 9.355 m^3 (được phê duyệt tại Công văn số 15337/UBND-CN ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh);

- Q_2 là trữ lượng cát bê tông (cát vàng): 29.400 m^3 (được phê duyệt tại Công văn số 15337/UBND-CN ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh);

- Q_3 là trữ lượng cuội, sỏi: 28.064 m^3 (được phê duyệt tại Công văn số 15337/UBND-CN ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh);

- Q_4 là trữ lượng bùn, sét tận thu làm vật liệu san lấp: 378.635 m^3 (được phê duyệt tại Công văn số 15337/UBND-CN ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh);

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 0,9$;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $R_1 = 20\%$ (đối với Cát theo nội dung Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa);

- $R_2 = 5\%$ (đối với cát, sỏi, sạn lòng sông, sỏi, bãi bồi; sét gạch ngói);

- $R_3 = 3\%$ (đối với các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại, trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp:

$T = (Q_1 \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R_1) + (Q_2 \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R_1) + (Q_3 \times G_3 \times K_1 \times K_2 \times R_2) + (Q_4 \times G_4 \times K_1 \times K_2 \times R_3) = (9.355 \text{ m}^3 \times 112.500 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 20\%) + (29.400 \text{ m}^3 \times 275.625 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 20\%) + (28.064 \text{ m}^3 \times 216.720 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 5\%) + (378.635 \text{ m}^3 \times 72.240 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 3\%) = 2.394.231.839 \text{ đồng};$

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm chín mươi tư triệu, hai trăm ba mươi mốt nghìn, tám trăm ba mươi chín nghìn đồng.

g) Số năm khai thác (làm tròn) là: $X = 5$ năm;

h) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: $X/2 = 2,5$ lần (làm tròn là 2 lần; hoàn thành việc thu tiền cấp quyền vào nửa đầu thời hạn cấp phép);

i) Số tiền nộp lần đầu: $T_{ld} = T : (X : 2) \times 30\%$.

$T_{ld} = 2.394.231.839 \text{ đồng} : 2 \times 30\% = 359.134.776 \text{ đồng}$ (Ba trăm năm mươi chín triệu, một trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng).

k) Số tiền nộp từ lần thứ 02:

$T_{hn} = (T - T_{ld}) : (2 - 1) = (2.394.231.839 \text{ đồng} - 359.134.776 \text{ đồng}) : (2 - 1) = 2.035.097.063 \text{ đồng}$ (Hai tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm sáu mươi ba đồng).

l) Thời điểm nộp tiền:

- Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa và trước khi nhận Giấy phép khai thác;

- Từ lần thứ hai vào năm tiếp theo được chia làm 02 kỳ:

+ Kỳ thứ nhất: Thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31/5;

+ Kỳ thứ hai: Thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31/10.

m) Diện tích khu vực nạo vét: 04 khu vực, tổng diện tích 74 ha, nằm trong vực lòng hồ và hạ lưu Nhà máy thủy điện Cẩm Thủy 1, thuộc địa bàn các xã Cẩm Bình, Cẩm Lương, Cẩm Thạch và Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò

Việc tận thu trữ lượng cát, sỏi làm vật liệu xây dựng, bùn thải làm vật liệu san lấp từ dự án nạo vét lòng hồ, khơi thông dòng chảy Nhà máy thủy điện Cẩm Thủy 1 tại xã Cẩm Bình, xã Cẩm Lương, xã Cẩm Thạch và xã Cẩm Thành, huyện

Cẩm Thủy do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông tự bỏ kinh phí lập phương án nạo vét. Do đó, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra;

- Sau khi kết thúc thời gian khai thác, nộp hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại mỏ trên về Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. UBND huyện Cẩm Thủy, UBND xã Cẩm Bình, UBND xã Cẩm Lương, UBND xã Cẩm Thạch, UBND xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy; Chủ tịch UBND các xã: Cẩm Bình, Cẩm Lương, Cẩm Thạch, Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, CN, KTTC.

QĐ 20.47556

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi